

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	12 – 30
Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý	31 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng tiền thân là Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000001 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp. Ngày 03 tháng 10 năm 2008 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 19 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên và tăng vốn điều lệ của Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 19 số 5100165283 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang (nay là tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 12 tháng 06 năm 2025.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19: 293.885.890.000 VND

Trụ sở chính

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang
Điện thoại: 02193882204
Fax: 02193882204
Email: info@giaiphong.com.vn
Mã số thuế: 5100165283

Các chi nhánh:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng (Tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Giang tại Hà Nội)	Số 539 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội Mã số chi nhánh: 5100165283 – 001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng – Nhà máy Ô tô Giải Phóng	Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang Mã số chi nhánh: 5100165283 – 002

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Duy Kiên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2025
Ông Nguyễn Cương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2025
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 05 năm 2025
Ông Trần Tấn Hồng Cương	Ủy viên	
Ông Vũ Hải Anh	Ủy viên	
Ông Phạm Nguyên Hoàng	Ủy viên	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban
Ông Quách Nguyễn Văn Học	Thành viên
Bà Phạm Hồng Yến	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo của ban lãnh đạo (tiếp theo)

Ban lãnh đạo

Họ và tên

Ông Phạm Nguyên Hoàng

Chức vụ

Tổng giám đốc

Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2025

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh Phía Bắc (NVA) đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo đối với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2025



Phạm Nguyên Hoàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.4 về việc: Số lỗ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là (9.026.994.800) đồng và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là (354.874.848.557) đồng đã vượt quá Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 43.268.434.277 đồng. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty đang tiến hành thực hiện một số biện pháp để tháo gỡ tình trạng hiện tại thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn kinh doanh và mở rộng nhà máy. Đồng thời khoản vay nợ tại ngân hàng Eximbank đang được một số nhà đầu tư quan tâm mua lại khoản nợ để chuyển nợ thành vốn góp. Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ dùng các nguồn lực cá nhân để xử lý khoản nợ quá hạn nếu các biện pháp đưa ra không đảm bảo. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của chúng tôi.

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và BCTC năm 2024 của Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này tại ngày 13 tháng 08 năm 2024 và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 28 tháng 03 năm 2025.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán NVA
– Chi nhánh Phía Bắc

Phó Giám đốc



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.638.787.180	13.656.648.181
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	221.811.631	275.347.200
1.	Tiền	111		221.811.631	275.347.200
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		344.803.654	377.873.389
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	54.750.000	54.750.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	46.142.130
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	306.478.655	276.981.259
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(16.425.001)	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		7.955.893.806	12.559.271.155
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	7.955.893.806	13.894.119.689
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.334.848.534)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		116.278.089	444.156.437
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.278.089	444.156.437
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.092.894.313	20.155.990.146
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.092.894.313	20.155.990.146
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.092.894.313	20.155.990.146
	- Nguyên giá	222		79.636.045.328	79.636.045.328
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(61.543.151.015)	(59.480.055.182)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.731.681.493	33.812.638.327

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		86.937.170.236	84.991.132.270
I.	Nợ ngắn hạn	310		51.907.221.457	52.096.843.261
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	5.826.037.953	3.242.223.473
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	4.855.346.810	3.022.864.408
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	3.581.809	10.040.601
4.	Phải trả người lao động	314		150.745.039	151.099.400
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	805.330.133	1.644.698.630
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	22.617.600.810	20.957.178.201
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	17.648.578.903	23.068.738.548
II.	Nợ dài hạn	330		35.029.948.779	32.894.289.009
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	35.029.948.779	32.894.289.009
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(60.205.488.743)	(51.178.493.943)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	(60.205.488.743)	(51.178.493.943)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		293.885.890.000	293.885.890.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		293.885.890.000	293.885.890.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		783.469.814	783.469.814
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(354.874.848.557)	(345.847.853.757)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(345.847.853.757)	(326.303.210.310)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(9.026.994.800)	(19.544.643.447)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.731.681.493	33.812.638.327

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Ngân

Đinh Thị Ngân

Phạm Nguyên Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.400.044.222	5.329.343.434
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.400.044.222	5.329.343.434
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.016.609.442	8.242.123.005
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(1.616.565.220)	(2.912.779.571)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	844.498	771.373
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	6.016.167.373	6.124.405.944
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.831.757.119	5.663.664.707
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	267.308.793	225.208.840
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.127.797.912	1.024.370.090
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		-	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(307)	(350)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(307)	(350)

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Ngân

Đinh Thị Ngân

Phạm Nguyên Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.063.095.833	2.088.616.159
-	Các khoản dự phòng	03		(1.318.423.533)	(286.690.108)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		184.410.254	160.741.237
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(844.498)	(771.373)
-	Chi phí lãi vay	06		5.831.757.119	5.663.664.707
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(2.266.999.625)	(2.660.432.450)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		344.523.082	313.827.513
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.938.225.883	6.025.057.456
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		4.419.618.880	(4.235.329.154)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.253.343.287)	(42.427.397)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		7.182.024.933	(599.304.032)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		844.498	771.373
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		844.498	771.373

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		5.733.000.000	6.752.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.969.405.000)	(5.653.250.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.236.405.000)	1.098.750.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(53.535.569)	500.217.341
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		275.347.200	10.933.393
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		221.811.631	511.150.734

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Ngân



Đinh Thị Ngân



Phạm Nguyễn Hoàng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất và Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xe có động cơ
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Buôn bán xe máy các loại./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng (Tên cũ: Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Giang tại Hà Nội)	Số 539 đường Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội Mã số chi nhánh: 5100165283 – 001
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng – Nhà máy Ô tô Giải Phóng	Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, Tỉnh Tuyên Quang Mã số chi nhánh: 5100165283 – 002

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 17 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ sử dụng tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 26.260 VND/USD.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các thành viên góp vốn.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Ban lãnh đạo công ty phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 874/GCNUD ngày 02/05/2002.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	918.266	3.005.981
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	220.893.365	272.341.219
Cộng	221.811.631	275.347.200

2. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đông đô Quảng Ninh	54.750.000	54.750.000
Cộng	54.750.000	54.750.000

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>306.478.655</i>	-	<i>276.981.259</i>	-
Tạm ứng	254.153.377	-	224.655.981	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	52.325.278	-	52.325.278	-
Cộng	306.478.655	-	276.981.259	-

4. Dự phòng phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đông đô Quảng Ninh	54.750.000	(16.425.001)	54.750.000	-
Cộng	54.750.000	(16.425.001)	54.750.000	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.409.411.218	-	2.025.932.249	-
Thành phẩm	177.964.460	-	10.497.707.774	(1.334.848.534)
Hàng hóa	535.929.993	-	535.929.993	-
Hàng gửi đi bán	2.832.588.135	-	834.549.673	-
Cộng	7.955.893.806	-	13.894.119.689	(1.334.848.534)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá				
Số đầu năm	47.225.072.226	31.110.700.283	960.323.675	339.949.144
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	47.225.072.226	31.110.700.283	960.323.675	339.949.144
Trong đó: đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	419.935.606	17.964.106.533	780.323.675	339.949.144
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	30.497.557.460	27.719.724.903	922.823.675	339.949.144
Tăng do khấu hao trong kỳ	1.658.838.990	393.006.843	11.250.000	-
Số cuối kỳ	32.156.396.450	28.112.731.746	934.073.675	339.949.144
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	16.727.514.766	3.390.975.380	37.500.000	-
Số cuối kỳ	15.068.675.776	2.997.968.537	26.250.000	-

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 78.217.372.509 VND và 17.989.120.713 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho khoản vay ông Vương Văn Tường theo thuyết minh số V.12a.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	5.826.037.953	3.242.223.473
Công ty chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	1.146.422.315	1.146.422.315
Công ty TNHH Sơn Liên Hợp	488.495.099	488.495.099
Công ty TNHH XNK FAW VN	3.538.946.000	785.312.400
Các nhà cung cấp khác	652.174.539	821.993.659
Cộng	5.826.037.953	3.242.223.473

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.855.346.810	3.022.864.408
Công ty Cổ phần Đầu Tư Quốc Tế Long Giang	-	2.101.584.398
Công ty TNHH XNK FAW VN	650.000.000	750.000.000
Bà Đỗ Trang Nhung	1.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Bích Yến	3.084.066.800	-
Các khách hàng khác	121.280.010	171.280.010
Cộng	4.855.346.810	3.022.864.408

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.040.601	67.069.648	73.528.440	3.581.809
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.796.362	64.796.362	-
Thuế nhà đất	-	77.844.240	77.844.240	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	10.040.601	212.710.250	219.169.042	3.581.809

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Vương Văn Tường – Chi phí lãi vay	796.130.133	1.644.698.630
Chi phí khác	9.200.000	-
Cộng	805.330.133	1.644.698.630

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng Eximbank (*)	22.602.373.973	20.942.886.515
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.226.837	14.291.686
Cộng	22.617.600.810	20.957.178.201

(*) Là chi phí lãi vay trong hạn và quá hạn phải trả Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng từ năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bên liên quan	23.068.738.548	6.645.791.849	6.177.840.355	11.598.000.000	17.648.578.903	6.830.202.103
Bà Nguyễn Thị Nga	-	-	5.293.000.000	5.293.000.000	-	-
Ông Nguyễn Cương	-	-	998.000.000	998.000.000	-	-
	-	-	4.295.000.000	4.295.000.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	6.645.791.849	6.645.791.849	184.410.254	-	6.830.202.103	6.830.202.103
Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam (1)	6.645.791.849	6.645.791.849	184.410.254	-	6.830.202.103	6.830.202.103
Vay ngắn hạn các cá nhân	16.422.946.699	-	700.430.101	6.305.000.000	10.818.376.800	-
Ông Nguyễn Kỳ Xuân (2)	7.822.946.699	-	700.430.101	705.000.000	7.818.376.800	-
Ông Vương Văn Tường (3)	8.600.000.000	-	-	5.600.000.000	3.000.000.000	-
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	32.894.289.009	-	3.507.064.770	1.371.405.000	35.029.948.779	-
Vay dài hạn cá nhân là bên liên quan	32.894.289.009	-	3.507.064.770	1.371.405.000	35.029.948.779	-
Ông Nguyễn Hà Đức (4)	32.894.289.009	-	3.507.064.770	1.371.405.000	35.029.948.779	-
Tổng cộng	55.963.027.557	6.645.791.849	9.684.905.125	12.969.405.000	52.678.527.682	6.830.202.103

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức từ năm 2010, mục đích để bổ sung vốn kinh doanh ô tô, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ từ 8,1%/năm đến 8,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất tại từng thời điểm. Khoản vay trên đã quá hạn nhưng chưa thanh toán. Tại ngày 30/06/2025 số dư khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam là 260.099,09 USD, tỷ giá 26.260 VND/USD.

(2) Là khoản vay ông Nguyễn Kỳ Xuân theo hợp đồng số 1407/22/HĐKT ngày 14 tháng 7 năm 2022 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, gia hạn đến ngày 14/07/2025, số tiền vay 5.000.000.000 VND, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 18%/năm.

(3) Là khoản vay ông Vương Văn Tường theo hợp đồng số 2509/2023/HĐV ngày 25/9/2023 và phụ lục hợp đồng kèm theo. Số tiền vay 20.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 15%/năm. Mục đích vay sử dụng làm vốn kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất cùng tài sản thuộc nhà máy của Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng.

(4) Là khoản vay ông Nguyễn Hà Đức theo các hợp đồng vay tiền thời hạn 24 tháng, lãi suất 18%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	293.885.890.000	783.469.814	(326.303.210.310)	(31.633.850.496)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	(19.544.643.447)	(19.544.643.447)
Số dư cuối năm trước	293.885.890.000	783.469.814	(345.847.853.757)	(51.178.493.943)
Số đầu năm nay	293.885.890.000	783.469.814	(345.847.853.757)	(51.178.493.943)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(9.026.994.800)	(9.026.994.800)
Số dư cuối kỳ này	293.885.890.000	783.469.814	(354.874.848.557)	(60.205.488.743)

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.388.589	29.388.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29.388.589	29.388.589
- Cổ phiếu phổ thông	29.388.589	29.388.589
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.388.589	29.388.589
- Cổ phiếu phổ thông	29.388.589	29.388.589
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	13.364.745.531	13.364.745.531

(*) Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý được trình bày tại phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Doanh thu bán hàng hóa	3.617.967.999	416.666.667
Doanh thu bán thành phẩm	32.782.076.223	4.912.676.767
Cộng	36.400.044.222	5.329.343.434

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.690.914.230	343.326.782
Giá vốn của thành phẩm đã bán	33.402.378.166	5.730.150.674
Giá vốn của giai đoạn ngừng sản xuất	2.258.165.580	2.455.335.657
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.334.848.534)	(286.690.108)
Cộng	38.016.609.442	8.242.123.005

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	844.498	771.373
Cộng	844.498	771.373

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Chi phí lãi vay	5.831.757.119	5.663.664.707
Chi phí mượn tài sản đảm bảo	-	300.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	184.410.254	160.741.237
Cộng	6.016.167.373	6.124.405.944

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.308.793	225.208.840
Cộng	267.308.793	225.208.840

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Chi phí cho nhân viên	662.634.749	586.968.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.273.736	26.273.736
Thuế, phí và lệ phí	82.154.673	60.387.562
Dự phòng phải thu khó đòi	16.425.001	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.629.631	72.731.314
Các chi phí khác	250.680.122	278.008.539
Cộng	1.127.797.912	1.024.370.090

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.896.009.632	3.353.648.972
Chi phí giai đoạn ngừng sản xuất	2.258.165.580	2.455.335.657
Chi phí lãi vay vượt 150% lãi suất cơ bản ngân hàng	978.356.594	898.313.315
Chi phí lãi vay quá hạn và phạt chậm trả	1.659.487.458	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(4.130.985.168)	(6.932.344.100)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(4.130.985.168)	(6.932.344.100)
Thuế suất thuế TNDN	15%	15%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(9.026.994.800)	(10.285.993.072)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	29.388.589	29.388.589
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(307)	(350)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.388.589	29.388.589
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành hoán đổi nợ trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.388.589	29.388.589

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.551.260.920	16.451.700
Chi phí nhân công	1.232.634.749	935.723.945
Chi phí dự phòng	(1.318.423.533)	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.063.095.833	2.088.616.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.629.631	80.195.935
Chi phí khác	948.311.330	583.926.848
Cộng	24.566.508.930	3.688.462.887

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Lãi vay nhập gốc	3.767.494.871	3.296.434.083

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

i. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

Chức vụ/Mối quan hệ

Ông Nguyễn Cương
Bà Nguyễn Thị Nga

Phó Chủ tịch HĐQT
Là vợ ông Nguyễn Cương – Phó Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Phải trả tiền mượn tài sản Bà Nga	-	300.000.000
Tiền mượn tài sản đã trả Bà Nga	-	300.000.000
Vay tiền Ông Nguyễn Cương	4.295.000.000	-
Trả tiền vay ông Cương	4.295.000.000	-
Vay tiền Bà Nga	998.000.000	-
Trả tiền vay Bà Nga	998.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không còn công nợ với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Thu nhập Ban lãnh đạo		
Ông Nguyễn Cương	93.221.200	220.189.481
Ông Phạm Nguyên Hoàng	66.412.850	69.298.269
Bà Đinh Thị Ngân	61.171.385	113.468.707

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

ii. *Giao dịch với bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hà Đức	Cổ đông lớn sở hữu 8,85% vốn góp của chủ sở hữu

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	<i>Đơn vị tính: VND</i> Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Ông Nguyễn Hà Đức		
Vay tiền (Bao gồm cả lãi nhập gốc)	3.507.064.770	9.431.809.427
Trả tiền vay	1.371.405.000	3.103.250.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.12./.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là lắp ráp và bán ô tô, xe máy; do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam; do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Quản lý rủi ro tài chính

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	17.648.578.903	35.029.948.779	52.678.527.682
Phải trả người bán	5.826.037.953	-	5.826.037.953
Các khoản phải trả khác	22.617.600.810	-	22.617.600.810
Cộng	46.092.217.666	35.029.948.779	81.122.166.445
Số đầu năm			
Vay và nợ	23.068.738.548	32.894.289.009	55.963.027.557
Phải trả người bán	3.242.223.473	-	3.242.223.473
Các khoản phải trả khác	20.957.178.201	-	20.957.178.201
Cộng	47.268.140.222	32.894.289.009	80.162.429.231

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

d. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	221.811.631	275.347.200	221.811.631	275.347.200
Phải thu khách hàng	54.750.000	54.750.000	(*)	(*)
Các khoản phải thu khác	306.478.655	276.981.259	(*)	(*)
Cộng	583.040.286	607.078.459		

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	52.678.527.682	55.963.027.557	(*)	(*)
Phải trả người bán	5.826.037.953	3.242.223.473	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	22.617.600.810	20.957.178.201	(*)	(*)
Cộng	81.122.166.445	80.162.429.231		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu được phân loại lại trong báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Bảng cân đối kế toán			
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.587.585.145	1.644.698.630
Phải trả ngắn hạn khác	319	14.291.686	20.957.178.201

5. Khả năng hoạt động liên tục

Số lỗ trong 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là (9.026.994.800) đồng và khoản lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là (354.874.848.557) đồng đã vượt quá Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 43.268.434.277 đồng. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Công ty đang tiến hành thực hiện một số biện pháp để tháo gỡ tình trạng hiện tại thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để bổ sung vốn kinh doanh và mở rộng nhà máy. Đồng thời khoản vay nợ tại ngân hàng Eximbank đang được một số nhà đầu tư quan tâm mua lại khoản nợ để chuyển nợ thành vốn góp. Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ dùng các nguồn lực cá nhân để xử lý khoản nợ quá hạn nếu các biện pháp đưa ra không đảm bảo. Do đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Lập ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Ngân

Kế toán trưởng

Đinh Thị Ngân

Tổng Giám đốc



Phạm Nguyên Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng (tỉnh Hà Giang)	163.714.025	Công nợ không có khả năng thu hồi	163.714.025	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại á Châu	138.217.050	Công nợ không có khả năng thu hồi	138.217.050	Công nợ không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại Hùng Tuyền	90.522.525	Công nợ không có khả năng thu hồi	90.522.525	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Ô tô Thành Tâm	402.565.959	Công nợ không có khả năng thu hồi	402.565.959	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô Yuejin Việt Nam	4.795.057.367	Công nợ không có khả năng thu hồi	4.795.057.367	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Cấn Văn Minh	71.963.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	71.963.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Đỗ Đình Tuấn	96.933.650	Công nợ không có khả năng thu hồi	96.933.650	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Đào Hồng Minh	68.251.650	Công nợ không có khả năng thu hồi	68.251.650	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Cấn Đình Phong	64.013.650	Công nợ không có khả năng thu hồi	64.013.650	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Nguyễn Hữu Chính	44.140.578	Công nợ không có khả năng thu hồi	44.140.578	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Lê Trung Kiên	19.702.500	Công nợ không có khả năng thu hồi	19.702.500	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Nguyễn Thành Sơn	18.880.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	18.880.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Nguyễn Văn Dũng	86.255.650	Công nợ không có khả năng thu hồi	86.255.650	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Luật Hưng Giang	125.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	125.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Chứng khoán Sài gòn HN	60.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	60.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Ông Nguyễn Văn Chiến	420.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	420.000.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH An Lộc Phát	1.269.090.442	Công nợ không có khả năng thu hồi	1.269.090.442	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Năm châu Duy Nhất	23.001.998	Công nợ không có khả năng thu hồi	23.001.998	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ An Phúc	68.708.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	68.708.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Bào Long	141.336.617	Công nợ không có khả năng thu hồi	141.336.617	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Cơ Điện Việt Nam	196.980.411	Công nợ không có khả năng thu hồi	196.980.411	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Đại Phát Hăng	274.507.222	Công nợ không có khả năng thu hồi	274.507.222	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Ô tô Quốc Thịnh	146.491.504	Công nợ không có khả năng thu hồi	146.491.504	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương	43.797.000	Công nợ không có	43.797.000	Công nợ không có

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
mại Hoàng Long Hiệp		khả năng thu hồi		khả năng thu hồi
Doanh nghiệp Ô tô Hoàng Hải	184.527.248	Công nợ không có khả năng thu hồi	184.527.248	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Hoàng Nam	29.612.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	29.612.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Kim Hoàng Hào	14.300.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	14.300.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Hoàng Lợi	149.812.931	Công nợ không có khả năng thu hồi	149.812.931	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thương mại CN ô tô hải phòng	51.245.501	Công nợ không có khả năng thu hồi	51.245.501	Công nợ không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Hồng Quân	224.313.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	224.313.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Tuyển	466.953.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	466.953.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô Huynh Đệ	78.574.840	Công nợ không có khả năng thu hồi	78.574.840	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Lâm Việt	23.693.500	Công nợ không có khả năng thu hồi	23.693.500	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Thái Bình	197.546.940	Công nợ không có khả năng thu hồi	197.546.940	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Nam Mai	15.460.696	Công nợ không có khả năng thu hồi	15.460.696	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Ngọc Khánh	33.396.498	Công nợ không có khả năng thu hồi	33.396.498	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Ngọc Hùng	61.815.250	Công nợ không có khả năng thu hồi	61.815.250	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Quảng Lợi	31.925.500	Công nợ không có khả năng thu hồi	31.925.500	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thép Đại Phát	26.091.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	26.091.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thành Đô	23.384.999	Công nợ không có khả năng thu hồi	23.384.999	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Ô tô Thành Tâm	101.356.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	101.356.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thiên Phú	496.948.022	Công nợ không có khả năng thu hồi	496.948.022	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH XNK Thương mại Tấn Đạt	65.721.999	Công nợ không có khả năng thu hồi	65.721.999	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thịnh Hưng	176.344.000	Công nợ không có khả năng thu hồi	176.344.000	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Ô tô Tuấn Nam Trang	493.337.810	Công nợ không có khả năng thu hồi	493.337.810	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Trung Sơn	13.059.600	Công nợ không có khả năng thu hồi	13.059.600	Công nợ không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Trọng Thiện	74.636.547	Công nợ không có khả năng thu hồi	74.636.547	Công nợ không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Yuejin Việt Nam	420.000.000	Công nợ không có	420.000.000	Công nợ không có

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ GIẢI PHÓNG

Địa chỉ: Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<u>Giá trị</u>	<u>Nguyên nhân xóa nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Nguyên nhân xóa nợ</u>
Công ty TNHH Tư vấn Chất lượng và Phát triển Công nghệ	76.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	76.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Trung tâm Tư vấn Kiến trúc Xây dựng	45.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	45.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cảnh Thịnh	34.095.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	34.095.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hà Linh	739.935.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	739.935.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Công ty TNHH Môi trường Phú Hà	10.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	10.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Ông Đặng Quốc Khanh	50.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có	50.000.000	khả năng thu hồi Công nợ không có
Các đối tượng khác	126.527.852	khả năng thu hồi Công nợ không có	126.527.852	khả năng thu hồi Công nợ không có
Cộng	<u>13.364.745.531</u>		<u>13.364.745.531</u>	